

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Khanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Công	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Duy Khanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/6/2011 được lập ngày 29/7/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 18 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 18/02/2011, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Bùi Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0035/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Đức Tiến
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.238.842.711	130.965.519.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.948.490.880	65.225.027.359
1. Tiền	111		2.249.490.880	825.027.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.699.000.000	64.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	31.633.264.200	13.582.581.761
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38.873.842.000	19.653.224.761
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(7.240.577.800)	(6.070.643.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.884.941.329	16.335.182.129
1. Phải thu khách hàng	131		214.439.120	1.213.866.693
2. Trả trước cho người bán	132		8.923.013.788	6.976.616.765
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.670.000
4. Các khoản phải thu khác	135	6	7.747.488.421	8.142.028.671
IV. Hàng tồn kho	140		71.304.883	-
1. Hàng tồn kho	141		71.304.883	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.700.841.419	35.822.728.192
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.549.999	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.906.311.346	1.424.830.926
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	30.762.980.074	34.397.897.266
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		169.371.970.993	135.049.803.735
I. Tài sản cố định	220		42.897.623.783	26.390.816.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.201.258.516	1.263.599.842
- Nguyên giá	222		1.605.690.378	1.582.230.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404.431.862)	(318.630.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.580.648	5.580.648
- Nguyên giá	228		64.888.000	64.888.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.307.352)	(59.307.352)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	41.692.784.619	25.121.636.245
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		126.474.347.210	108.658.987.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	30.502.276.210	14.161.316.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	6.951.404.000	5.477.004.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	89.020.667.000	89.020.667.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		274.610.813.704	266.015.323.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		26.996.998.564	19.178.703.891
I. Nợ ngắn hạn	310		26.996.998.564	19.178.703.891
1. Phải trả người bán	312		6.792.218.992	12.624.270.072
2. Người mua trả tiền trước	313		5.495.887.500	4.839.310.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	100.025.202	59.750.348
4. Phải trả người lao động	315		289.975.713	844.306.460
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	13.722.795.814	211.271.168
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		596.095.343	599.795.343
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	15	247.613.815.140	246.836.619.285
I. Vốn chủ sở hữu	410		247.613.815.140	246.836.619.285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(66.176.411.086)	(66.953.606.941)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		274.610.813.704	266.015.323.176

Nguyễn Duy Khanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	72.774.545
2. Giá vốn hàng bán	11		-	-
3. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng	20		-	72.774.545
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	4.609.294.622	5.774.217.259
5. Chi phí tài chính	22	17	1.169.934.800	137.180.621
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.826.385.895	3.016.868.679
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		612.973.927	2.692.942.504
8. Thu nhập khác	31		171.341.928	43.447.373
9. Chi phí khác	32		7.120.000	57.602.398
10. Lợi nhuận khác	40		164.221.928	(14.155.025)
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		777.195.855	2.678.787.479
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	60		777.195.855	2.678.787.479
15. Lãi trên cổ phiếu	70	19	29	101

Nguyễn Duy Khanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	777.195.855	2.678.787.479
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(3.351.558.496)	(3.741.919.989)
- Khấu hao tài sản cố định	02	87.801.326	92.199.239
- Các khoản dự phòng	03	1.169.934.800	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.609.294.622)	(3.834.119.228)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.574.362.641)	(1.063.132.510)
- Tăng các khoản phải thu	09	(5.531.586.406)	(25.973.759.386)
- Tăng hàng tồn kho	10	(71.304.883)	-
- Tăng các khoản phải trả	11	1.391.073.593	(46.807.906)
- Tăng chi phí trả trước	12	(31.549.999)	(139.606.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.210.300.000	2.304.452.566
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.000.000.000)	(1.171.938.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.392.569.664	(26.090.792.847)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.029.571.556)	(1.014.986.237)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	595.170.000	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(64.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.100.000.000	28.483.280.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.815.360.210)	(83.104.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.240.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay	27	4.480.655.623	2.685.383.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.669.106.143)	34.310.573.240
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(41.276.536.479)	8.219.780.393
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	65.225.027.359	6.875.907.752
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	23.948.490.880	15.095.688.145

Nguyễn Duy Khanh
Tông Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103013346 ngày 31/07/2006, đăng ký thay đổi lần 8 số 0102005769 ngày 21/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Nguyễn Đỗ Lăng	8.100.000	81.000.000.000
2.	Nguyễn Mạnh Hào	400.000	4.000.000.000
3.	Nguyễn Duy Khanh	1.500.000	15.000.000.000

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 40 người, tại ngày 31/12/2010 là 26 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn luật pháp, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, Tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành); và
- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương: là Công ty cũng được 02 cổ đông của Công ty là Ông Nguyễn Đỗ Lăng và Ông Nguyễn Duy Khanh tham gia góp vốn cổ đông sáng lập.

- Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh với tỷ lệ phần sở hữu là 100%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên với tỷ lệ phần sở hữu là 84%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế với tỷ lệ phần sở hữu là 55%.

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương với tỷ lệ phần sở hữu là 49%.

- Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á: Công ty góp vốn vào Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Thời gian khấu hao	
(Số năm)	

Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được trích khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán niên yết được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa được niêm yết được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30/06/2011, Công ty có khoản lỗ phát sinh của năm 2008 còn lại là 69.315.811.426 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên đây là báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 nên Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ được Công ty xem xét ở thời điểm cuối năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	156.254.974	47.525.485
Tiền gửi ngân hàng	2.093.235.906	777.501.874
Các khoản tương đương tiền (*)	21.699.000.000	64.400.000.000
	23.948.490.880	65.225.027.359

Ghi chú: (*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi và các khoản ủy thác vốn đầu tư có kỳ hạn 1 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		10.623.842.000		10.623.842.000
Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	100.000	1.130.000.000	100.000	1.130.000.000
Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ	94.500	4.533.025.000	94.500	4.533.025.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	93.350	2.987.200.000	93.350	2.987.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất Nhập khẩu FOODINCO	17.199	701.190.000	17.199	701.190.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	14.594	323.900.000	14.594	323.900.000
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	14.285	857.100.000	14.285	857.100.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	8.482	84.820.000	8.482	84.820.000
Công ty Hà Nội Milk	80	1.472.000	80	1.472.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	103	1.030.000	103	1.030.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000	101	4.105.000
Đầu tư ngắn hạn khác		28.250.000.000		9.029.382.761
Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(7.240.577.800)		(6.070.643.000)
		31.633.264.200		13.582.581.761

Trong các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu vào các doanh nghiệp chưa niêm yết. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay có thể giá trị cổ phiếu bị suy giảm đáng kể so với giá trị ban đầu của khoản đầu tư, theo đó có thể ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Phạm Duy Hưng - Tạm ứng tiền mua đất Dự án Nam An	6.036.488.366	6.036.488.366
Vũ Thanh Tùng - Cho vay mua chứng khoán	640.250.000	640.250.000
Lãi dự thu	128.638.999	-
Các khoản phải thu khác	263.611.056	786.790.305
	7.747.488.421	8.142.028.671

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	29.690.513.874	23.115.131.066
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.072.466.200	11.282.766.200
	30.762.980.074	34.397.897.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2010	12.000.000	1.537.360.605	32.869.773	1.582.230.378
Mua trong năm	-	-	23.460.000	23.460.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	12.000.000	1.537.360.605	56.329.773	1.605.690.378
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 31/12/2010	638.095	303.150.325	14.842.116	318.630.536
Khấu hao trong năm	1.500.000	76.868.030	7.433.296	85.801.326
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	2.138.095	380.018.355	22.275.412	404.431.862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/06/2011	9.861.905	1.157.342.250	34.054.361	1.201.258.516
Tại ngày 31/12/2010	11.361.905	1.234.210.280	18.027.657	1.263.599.842

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày VND
Tại ngày 01 tháng 01	25.121.636.245
Tăng trong kỳ	16.571.148.374
Kết chuyển sang tài sản cố định	-
Tại ngày 30 tháng 06	41.692.784.619

Chi tiết phát sinh cho từng công trình:

Công trình	01/01/2011	Phát sinh trong kỳ	30/06/2011
Trung tâm thương mại Thái Nguyên	22.874.102.835	3.932.063.288	26.806.166.123
Căn hộ tại Dự án Văn Phú	-	5.679.382.761	5.679.382.761
Dự án Quản lý chợ Tam Đa	-	5.325.480.889	5.325.480.889
Khu Công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội	1.459.606.473	119.811.256	1.579.417.729
Các dự án khác	112.686.833	863.319.766	976.006.599
Khu Công nghiệp Diêm Thụy	427.143.415	177.004.000	604.147.415
Khu Trung tâm thương mại Bắc Ninh	81.622.689	436.599.959	518.222.648
Khu đô thị số 5 Túc Duyên	166.474.000	37.486.455	203.960.455
Tổng cộng	25.121.636.245	16.571.148.374	41.692.784.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

		30/06/2011		31/12/2010
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh		8.207.218.500		3.176.724.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	2.029.505,77	20.295.057.710	1.098.459,20	10.984.592.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	200.000,00	2.000.000.000	-	-
		30.502.276.210		14.161.316.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	84%	84%	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp,
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	55%	55%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

		30/06/2011		31/12/2010
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	637.640,40	6.376.404.000	490.200,40	4.902.004.000
Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á		575.000.000		575.000.000
		6.951.404.000		5.477.004.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	Tỉnh Hà Giang	49%	49%	Khai thác khoáng sản
Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á	Tỉnh Hòa Bình	23%	23%	Trường đại học

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	3.698.626,70	36.986.267.000	3.698.626,70	36.986.267.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội	4.553.440,00	45.534.400.000	4.553.440,00	45.534.400.000
Công ty Cổ phần Nam Dược	650.000,00	6.500.000.000	650.000,00	6.500.000.000
	89.020.667.000		89.020.667.000	

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	100.025.202	56.750.348
Phí môi trường	-	3.000.000
	100.025.202	59.750.348

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	30.185.076	95.351.930
Nhận tiền đặt cọc từ Công ty CP Bất động sản An Phát Land	13.576.691.500	-
Các khoản phải trả khác	115.919.238	115.919.238
	13.722.795.814	211.271.168

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư tại ngày 31/12/2009	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(92.633.949.760)	221.156.276.466
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.680.342.819	25.680.342.819
Số dư tại ngày 31/12/2010	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(66.953.606.941)	246.836.619.285
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	777.195.855	777.195.855
Số dư tại ngày 30/06/2011	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(66.176.411.086)	247.613.815.140

Tình hình góp vốn điều lệ:

	<u>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày 30/06/2011</u>	
	<u>VND</u>	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>(%)</u>
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	81.000.000.000	16,20	39.799.220.000	7,96
Ông Nguyễn Mạnh Hào	4.000.000.000	0,80	-	0,00
Ông Nguyễn Duy Khanh	15.000.000.000	3,00	5.000.000.000	1,00
Các cổ đông khác	400.000.000.000	80,00	219.200.780.000	43,84
	500.000.000.000	100,00	264.000.000.000	52,80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	50.000.000	50.000.000
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	26.400.000	26.400.000
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	26.400.000	26.400.000

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.594.515.222	1.940.098.031
Cổ tức và lợi nhuận được chia	14.779.400	1.655.035.400
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	2.179.083.828
	4.609.294.622	5.774.217.259

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.169.934.800	-
Chi phí tài chính khác	-	137.180.621
	1.169.934.800	137.180.621

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	777.195.855	2.678.787.479
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	1.655.035.400
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	-	1.655.035.400
Chuyển lỗ	777.195.855	1.023.752.079
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
	-	-

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	777.195.855	2.678.787.479
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	26.400.000	26.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	101
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có ký hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương về việc thuê văn phòng tầng 6 và tầng 9 tòa nhà APEC số 14 Lê Đại Hành. Theo hợp đồng này, thời hạn thuê từ ngày 01/05/2010 đến ngày 30/04/2013, đơn giá cho thuê là 3.670 USD/tháng (chưa bao gồm VAT).

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lương Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc	977.000.000	863.407.609
Thưởng	13.000.000	12.500.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 chưa được kiểm toán.

Nguyễn Duy Khanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng